

第14課

Bài 14

せいぞう さぎょう
製造作業(2)

Thao tác chế tạo (2)

第14課(1) Bài 14 (1)

実習生のリンさんはバリを取る作業をしています。

Thực tập sinh Lin đang làm công việc làm sạch ba via.

第14課(1) Bài 14 (1)

すずき
リン: 鈴木さん、すみません。

すずき なに
鈴木: うん、何?

ざいりょう と
リン: この材料のバリをやすりで取りました。

かくにん
やすりをかけたところを確認していただけますか。

すずき あな おお もんだい
鈴木: わかった。穴の大きさは問題ないね。

きれいだね。うまくなったね。

リン: ありがとうございます。

すずき
鈴木: じゃ、つづき、よろしく。

L: Anh Suzuki, tôi xin lỗi.

S: Ủ, có việc gì vậy?

L: Tôi đã làm sạch ba via của vật liệu này bằng giũa. Anh có thể kiểm tra giúp tôi những chỗ đã giũa được không ạ?

S: Tôi hiểu rồi. Không có vấn đề gì về độ lớn của lỗ cả. Đẹp nhỉ. Đã giỏi rồi đấy.

L: Xin cảm ơn anh.

S: Nào, tiếp tục làm đi nhé.

第14課(2) Bài 14 (2)

実習生のリンさんは指導員の鈴木さんから、めっきについて説明を受けています。

Thực tập sinh Lin đang được người hướng dẫn Suzuki giải thích về việc mạ.

第14課(2) Bài 14 (2)

すずき いま かこう せつめい
鈴木: 今からめっき加工について説明します。

リン: めっき.....? 初めて聞きました。

それは何のためにしますか。

すずき せいひん さ こま
鈴木: 製品が錆びると困るでしょ?

めっきをすると、錆を防ぐことができるんだよ。

リン: 錆を防ぐために、めっきをするんですね。

すずき
鈴木: そうそう。じゃ、はじめよう。

リン: はい。

S: Sau đây tôi sẽ giải thích về gia công mạ.

L: Mạ.....? Tôi mới nghe lần đầu. Cái này để làm gì?

S: Nếu sản phẩm bị rỉ sét thì sẽ rắc rối phải không? Nếu mạ thì có thể phòng ngừa rỉ sét đó.

L: Nghĩa là mạ để phòng ngừa rỉ sét nhỉ.

S: Đúng rồi. Nào, bắt đầu thôi.

L: Vâng.

第14課(3) Bài 14 (3)

実習生のリンさんは、はんだをつける作業を行っています。

Thực tập sinh Lin đang thực hiện công việc hàn.

第14課(3) Bài 14 (3)

すずき
鈴木: リンさん、どう?

すずき い
リン: 鈴木さんが言ったとおりにはんだをつけました。

でも、なかなかうまくできません。

すずき
鈴木: どれどれ?

リン: これですが、どうしたらいいですか。

いちど かた み
もう一度やり方を見せていただけませんか。

すずき み
鈴木: わかった。じゃ、やってみるから、よく見てね。

だいじ い おぼ
大事なところも言うから、覚えてね。

み おぼ
リン: はい、よく見て、覚えます。

S: Em Lin, sao rồi?

L: Tôi đã hàn đúng như anh Suzuki nói. Thế nhưng, mãi mà tôi không làm tốt được.

S: Cái nào cái nào?

L: Là cái này, tôi nên làm như thế nào ạ? Anh có thể cho tôi xem lại cách làm một lần nữa được không ạ?

S: Tôi hiểu rồi. Vậy thì tôi sẽ làm thử, hãy nhìn kỹ nhé. Tôi sẽ nói những điểm quan trọng, nên hãy ghi nhớ nhé.

L: Vâng, tôi sẽ xem kỹ và ghi nhớ.